

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN AN DƯƠNG
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 22/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 29 - 02 - 2024
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN DƯƠNG, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Chính.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Bùi Thị Nhân.

Ông Đỗ Văn Thư.

- Thư ký phiên tòa: Ông Ngô Trí Thắng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện An Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Dương tham gia phiên tòa:
Ông Tô Việt Bảo - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 02 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện An Dương, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 125/2023/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 10 năm 2023 về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 06/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 16 tháng 01 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 12/2024/QĐST-HNGĐ ngày 02 tháng 02 năm 2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Nguyễn Việt H, sinh năm 1990; địa chỉ: Tổ dân phố X, thị trấn A, huyện An Dương, thành phố Hải Phòng; có mặt.

- Bị đơn: Chị Lê Thị H1, sinh năm 1990; ĐKTT: Tổ dân phố X, thị trấn A, huyện An Dương, thành phố Hải Phòng; chỗ ở: Thôn Trạm Bạc, xã Lê Lợi, huyện An Dương, thành phố Hải Phòng; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn anh Hà trình bày: Anh H và chị H1 tự nguyện xây dựng gia đình với nhau có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn An Dương, huyện An Dương, thành phố Hải Phòng, theo giấy chứng nhận kết hôn số 57 ngày 22/10/2014.

Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hoà thuận đến năm 2019 thì phát sinh

mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng không hợp và không còn tình cảm nên thường xuyên xảy ra xung đột, xô xát với nhau. Mâu thuẫn trở lên căng thẳng nên từ tháng 8 năm 2023, chị Hải đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở. Từ đó đến nay, vợ chồng sống ly thân mỗi người một nơi không còn quan tâm đến nhau. Nay anh H xác nhận: Tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn đã trầm trọng và không còn khả năng đoàn tụ do vậy anh yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị H1.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Nguyễn Lê Bảo N, sinh ngày 14/12/2015. Anh H yêu cầu được nuôi con chung, việc cấp dưỡng cho con hai bên tự thỏa thuận, anh H không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung: Anh H không yêu cầu giải quyết.

Tại phiên tòa, bị đơn chị H1 trình bày: Chị H1 và anh H tự nguyện xây dựng gia đình với nhau năm 2014 có đăng ký hôn theo luật định, vợ chồng có 01 con chung đúng như anh H trình bày. Quá trình chung sống vợ chồng đã xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh H có quan hệ với người phụ nữ khác. Mâu thuẫn trở lên căng thẳng nên từ cuối năm 2023 chị H1 đã về nhà bố mẹ đẻ ở. Từ đó đến nay vợ chồng sống ly thân mỗi người một nơi. Chị H1 xác nhận vợ chồng không còn tình cảm nhưng chị không đồng ý ly hôn với anh H với lý do bố mẹ ly hôn con cái sẽ khổ.

Về con chung: Nếu ly hôn chị H1 nhất trí giao con chung cho anh H nuôi dưỡng. Việc cấp dưỡng cho con hai bên tự thỏa thuận, chị H1 không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung: Chị H1 không yêu cầu giải quyết.

Tiến hành xác minh tại địa phương, kết quả cho thấy: Anh H và chị H1 tự nguyện xây dựng gia đình với nhau năm 2014 có đăng ký kết hôn theo luật định. Quá trình chung sống đã phát sinh mâu thuẫn do vợ chồng có tính cách không hợp, bất đồng quan điểm. Giữa năm 2023, chị H1 đã về nhà bố mẹ đẻ ở, từ đó đến nay vợ chồng đang sống ly thân mỗi người một nơi. Anh H và chị H1 có 01 con chung là Nguyễn Lê Bảo N, sinh ngày 14/12/2015.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Dương phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật: Tòa án đã thụ lý vụ án đúng theo quy định của pháp luật, từ khi thụ lý đến thời điểm xét xử, thẩm phán, thư ký và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn thực hiện đầy đủ quy định của pháp luật.

Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ vào lời khai của đương sự và các tài liệu Tòa án thu thập thể hiện mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ vào các Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, xử cho anh H được ly hôn với chị H1.

Về con chung: Căn cứ vào các Điều 81, 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn: Giao con chung Nguyễn Lê Bảo N, sinh ngày 14/12/2015 cho anh H trực tiếp nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng nuôi con, anh H không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung: Không đề nghị xem xét.

Về án phí: Anh H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Anh H có yêu cầu khởi kiện được ly hôn với chị H1 có nơi cư trú tại huyện An Dương, thành phố Hải Phòng. Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện An Dương, thành phố Hải Phòng.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Việc kết hôn giữa anh H và chị H1 tuân thủ đúng quy định tại Điều 8; Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình nên là hôn nhân hợp pháp.

Xét, anh H và chị H1 quá trình chung sống đã xảy ra mâu thuẫn và đã sống ly thân mỗi người một nơi. Hai bên đều xác nhận không còn tình cảm với nhau cho thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Căn cứ vào các Điều 51 và 56 Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, xử cho anh H được ly hôn với chị H1.

[3] Về con chung: Anh H và chị H1 có 01 con chung là Nguyễn Lê Bảo N, sinh ngày 14/12/2015, anh H yêu cầu được nuôi con, chị H1 cũng đồng ý. Xét thấy, anh H là người có việc làm, thu nhập và chỗ ở ổn định nên có đủ điều kiện để nuôi con. Thực tế từ khi vợ chồng sống ly thân, anh H là người trực tiếp nuôi con. Do vậy việc giao con chung theo yêu cầu của anh H là phù hợp với điều kiện hoàn cảnh chăm sóc nuôi dạy con, đảm bảo được quyền lợi của con cũng như quy định của pháp luật. Căn cứ vào các Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn: Giao con chung Nguyễn Lê Bảo N, sinh ngày 14/12/2015 cho anh H nuôi dưỡng. Việc cấp dưỡng cho con, anh H không yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về tài sản chung: Anh H không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí: Căn cứ vào Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, anh H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 51, 56, 81, 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Việt H được ly hôn với chị Lê Thị H1.

- Về con chung: Giao con chung Nguyễn Lê Bảo N, sinh ngày 14/12/2015 cho anh H trực tiếp nuôi dưỡng. Thời hạn nuôi con tính từ ngày tuyên án sơ thẩm cho đến khi con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Việc cấp dưỡng cho con anh H không yêu cầu giải quyết.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

- Về án phí: Anh Nguyễn Việt H phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm. Số tiền này anh H đã nộp đủ theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0004509 ngày 10 tháng 10 năm 2023 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện An Dương, thành phố Hải Phòng.

- Về quyền kháng cáo: Anh H, chị H1 có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

- Về quyền yêu cầu thi hành án: Trường hợp Bản án được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền yêu cầu thi hành án, thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện An Dương;
- VKSND thành phố Hải Phòng;
- TAND thành phố Hải Phòng;
- Chi cục thi hành án dân sự huyện An Dương;
- Các đương sự;
- UBND thị trấn An Dương, huyện An Dương;
- Lưu: HS, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Văn Chính